

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: /TKT-TH

V/v bổ sung số liệu GRDP
quý I năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh.

Căn cứ kết quả thông báo số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) quý I năm 2026 của Cục Thống kê gửi các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thống kê tỉnh bổ sung chỉ tiêu GRDP quý I năm 2026 như sau:

GRDP quý I năm 2026 theo giá so sánh 2020¹ ước đạt 35.832,6 tỷ đồng, tăng 8,24% so với cùng kỳ năm 2025; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4.976,1 tỷ đồng, tăng 2,98%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm vào mức tăng chung GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 14.109,8 tỷ đồng, tăng 9,64%, đóng góp 3,75 điểm phần trăm (trong đó công nghiệp đạt 12.406,1 tỷ đồng, tăng 12,76%, đóng góp 4,24 điểm phần trăm); khu vực dịch vụ đạt 11.492,4 tỷ đồng, tăng 7,49%, đóng góp 2,42 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 5.254,3 tỷ đồng, tăng 11,51%, đóng góp 1,64 điểm phần trăm.

Theo giá hiện hành, GRDP quý I năm 2026 ước đạt 44.376,5 tỷ đồng, bao gồm: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5.903,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 13,30%; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 18.181,2 tỷ đồng, chiếm 40,97%, trong đó công nghiệp đạt 16.021,6 tỷ đồng, chiếm 36,10%; khu vực dịch vụ đạt 13.782,4 tỷ đồng, chiếm 31,06%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 6.509,5 tỷ đồng, chiếm 14,67%.

¹ Thông tư số 13/2019/TT-BKHT, ngày 31/12/2019 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) quý I năm 2026

	Theo giá hiện hành		Theo giá so sánh 2020	
	Quy mô (Tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Quy mô (Tỷ đồng)	Tốc độ tăng (%)
TỔNG SỐ	44.376,5	100,00	35.832,6	108,24
Tổng giá trị tăng thêm	37.867,0	85,33	30.578,3	107,70
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5.903,4	13,30	4.976,1	102,98
Công nghiệp và xây dựng	18.181,2	40,97	14.109,8	109,64
<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	<i>16.021,6</i>	<i>36,10</i>	<i>12.406,1</i>	<i>112,76</i>
- SP Lọc hóa dầu	5.903,4	13,30	3.308,1	110,42
- SP thép	2.938,2	7,76	2.694,1	152,48
- CN không tính dầu, thép	6.403,9	15,04	6.403,9	102,63
Dịch vụ	13.782,4	31,06	11.492,4	107,49
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	6.509,5	14,67	5.254,3	111,51

Thông kê tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Võ Thành Nhân